

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Danh sách đối tượng tinh giản biên chế
của các cơ quan, đơn vị tháng 7 năm 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 554/TTr-SNV ngày 15 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị tháng 7 năm 2019: 21 người, trong đó có: 20 người hưởng chính sách về hưu trước tuổi, 01 người hưởng chính sách thôi việc ngay (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Căn cứ danh sách đối tượng tinh giản biên chế được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, thẩm định chế độ chính sách cho từng đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về kết quả thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm:

a) Ban hành quyết định nghỉ tình giảm biên chế theo phân cấp và giải quyết các thủ tục cho đối tượng nghỉ tình giảm biên chế theo quy định.

b) Chi trả các chế độ chính sách cho từng đối tượng tình giảm biên chế sau khi được cấp kinh phí.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Mường La, Phù Yên, Thuận Châu, Vân Hồ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tại biểu 1a và biểu 1c, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành ban hành./

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(30b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh



DANH SÁCH NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THÁNG 7 NĂM 2019
(Từ ngày 01/07/2019 đến hết ngày 31/12/2019)
(Kèm theo Quyết định số 1813 /QĐ-UBND ngày 21/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước		Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước		Thời điểm tính gần biên chế		Tuổi khi tính gần biên chế		Lý do tính gần
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số năm hưởng lương từ ngân sách nhà nước	
KHỎI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC																												
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																												
CẤP TỈNH																												
Sở Y tế																												
Trung tâm Y tế thành phố Sơn La																												
1	Là Văn Thiệu	08/3/1964	Bác sĩ CKI	Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Sơn La	4,98	02/2018	0,50	8/2019						4,98	02/2018	32 năm 02 tháng	32	2	13	01/9/2019						55- 6/12		Viện chức lãnh đạo, quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ nguyên thực hiện tính gần biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 6, Nghị định 108/2014/NĐ-CP
Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ																												
2	Trịnh Ngọc Thanh	18/10/1964	Bác sĩ CKI	Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ	4,56	01/2018	0,70	7/2019						4,65	11/2019	23 năm 02 tháng	23	2	14	01/11/2019						55- 1/12		Viện chức lãnh đạo, quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ nguyên thực hiện tính gần biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 6, Nghị định 108/2014/NĐ-CP
UBND huyện Mường La																												
3	Lò Thị Liên	24/11/1966	CD	Hiệu trưởng trường THCS P. Tông	4,89	6/2014	0,45	9/2019	30%	01/2019	7%	6/2019		4,89	9/2019	32 năm 0 tháng	32	0	7	01/9/2019						52- 10/12		Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gần biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chính sách bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liên kế		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số tháng hưởng trợ cấp	Thời điểm tính gian biên chế	Tuổi khi tính gian biên chế	Lý do tính gian
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số năm làm công nhân, công					



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh	Hết số hưởng	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chỉnh lý bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liên kế		Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Số năm làm công nhân viên chức chuyên môn nghiệp vụ	Số tháng hưởng trợ cấp thôi việc	Thời điểm tính gian biên chế	Tuổi khi tính gian biên chế	Lý do tính gian
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Số năm làm công nhân viên chức chuyên môn nghiệp vụ					
9	Lô Văn Púa	12/5/1962	CB	4,89	10/2014			38%	9/2019	6%	9/2019	4,89	9/2019	4,89	10/2014	39	1	8	01/9/2019	57-4/12			
			Giáo viên trường Tiểu học Mường Khương 2	0,20	9/2014			38%	3/2019	6%	10/2018	4,89	10/2014	4,89	10/2014	39	1						
								37%	3/2018	5%	10/2017	4,58	9/2014	4,58	9/2014	39	1						
								36%	3/2017	5%	10/2017					39	1						
								35%	3/2016							39	1						
								34%	3/2015							39	1						
								33%	9/2014							39	1						
10	Nguyễn Thị Thủy	08/12/1967	CD	4,27	4/2018			30%	9/2019			4,27	10/2019	4,27	10/2018	31	2	10	01/10/2019	51-10/12			
			Giáo viên trường Tiểu học - THCS Ninh Thuận					29%	9/2018			4,27	4/2018	4,27	10/2018	31	2						
								28%	9/2017			3,96	10/2014	3,96	10/2014	31	2						
								27%	9/2016							31	2						
								26%	9/2015							31	2						
								25%	10/2014							31	2						
11	Hà Thị Cừu	18/10/1969	TC	4,06	4/2018			26%	11/2019			4,06	11/2019	4,06	4/2018	27	2	14	01/11/2019	50-1/12			
			Giáo viên trường Mầm non Võ Thị Sáu Chiềng Pha					25%	3/2019			4,06	4/2018	4,06	4/2018	27	2						
								24%	3/2018			3,86	10/2015	3,86	10/2015	27	2						
								23%	3/2017			3,66	11/2014	3,66	11/2014	27	2						
								22%	3/2016							27	2						
								22%	3/2015							27	2						
								21%	11/2014							27	2						
12	Hoàng Hồng Chuyên	09/5/1969	DH	4,98	10/2017			26%	9/2019			4,98	9/2019	4,98	10/2017	28	0	14	01/9/2019	50-4/12			
			Giáo viên trường THCS Mường E					25%	01/2019			4,98	10/2017	4,98	10/2017	28	0						
								24%	01/2018			4,65	10/2014	4,65	10/2014	28	0						
								24%	01/2017			4,32	9/2014	4,32	9/2014	28	0						
								23%	01/2016							28	0						
								22%	01/2015							28	0						
								21%	9/2014							28	0						
13	Nguyễn Văn Thơm	25/5/1963	CD	4,89	10/2014			32%	9/2019	6%	9/2019	4,89	9/2019	4,89	10/2014	33	1	11	01/9/2019	56-4/12			
			Giáo viên hàng III trường Tiểu học Tông Lanh					32%	8/2019	6%	10/2018	4,89	10/2014	4,89	10/2014	33	1						
								31%	8/2018	5%	10/2017	4,58	9/2014	4,58	9/2014	33	1						
								30%	8/2017							33	1						
								29%	8/2016							33	1						
								28%	8/2015							33	1						
								27%	9/2014							33	1						

<

Lý do tính gian

Có 02 năm liên tiếp kể từ thời điểm xét tính gian biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bỏ trí việc làm khác phù hợp, cả nhân tự nguyện thực hiện tính gian biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP

Có 02 năm liên tiếp kể từ thời điểm xét tính gian biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bỏ trí việc làm khác phù hợp, cả nhân tự nguyện thực hiện tính gian biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP

Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liên kế tại thời điểm xét tính gian biên chế, cả nhân tự nguyện thực hiện tính gian biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liên kế		Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH			Số tháng hưởng trợ cấp	Thời điểm tính gián biến chế	Tuổi khi tính gián biến chế	Lý do tính gián
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH					
14	Đoàn Thị Sơn	08/01/1968	ĐH	3,99	4/2016			25%	12/2019			4,32	12/2019	26	2	10	01/12/2019	51- 11/12	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liên kế tại thời điểm xét tính gián biến chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biến chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP	
								25%	10/2019			4,32	4/2019							
								24%	10/2018				3,99	4/2016						
								23%	10/2017				3,66	12/2014						
							22%	10/2016												
							21%	10/2015												
							20%	12/2014												
15	Nguyễn Thị Hồng Vần	07/11/1966	CD	4,27	10/2016			33%	10/2019			4,27	10/2019	33	0	7	01/10/2019	52- 11/12	Có 02 năm liên tiếp liên kế tại thời điểm xét tính gián biến chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bỏ trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biến chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP	
								33%	8/2019				4,27	10/2016						
								32%	8/2018	0,20	8/2018		3,96	10/2014						
								31%	8/2017	0,20	9/2015									
							30%	8/2016												
							29%	8/2015												
							28%	10/2014												
16	Cầm Thị Thương	01/12/1969	TC	3,46	10/2017			20%	12/2019			3,46	12/2019	22	2	15	01/12/2019	50	Có 02 năm liên tiếp liên kế tại thời điểm xét tính gián biến chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bỏ trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biến chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP	
								20%	3/2019				3,46	10/2017						
								19%	3/2018				3,26	10/2015						
								18%	3/2017				3,06	12/2014						
							17%	3/2016												
							16%	3/2015												
							15%	12/2014												
CẤP XÃ																				
UBND huyện Mường La																				
17	Quảng Văn Sương	12/12/1967	Trung cấp hành chính văn thư	2,46	01/2018	0,15	9/2019					2,46	9/2019	23	5	10	01/9/2019	51- 9/12	Có 02 năm liên tiếp liên kế tại thời điểm xét tính gián biến chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biến chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP	
								0,15	9/2014				2,46	01/2018						
													2,26	01/2016						
													2,06	9/2014						



TT	Họ và tên	Chức danh nghề nghiệp chức vụ nhiệm vụ	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Phụ cấp thâm niệm nghề (nếu có)	Phụ cấp thâm niệm vượt khung (nếu có)	Hệ số chỉnh lịch bảo lưu (nếu có)	Lương ngạch bậc trước liên kế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số năm làm CV năng hưởng trợ cấp	Số tháng tính giãn biên chế	Tuổi khi tính giãn biên chế	Lý do tính giãn	
18	Đình Công Xuân	26/10/1962	2,25	3/2007				2,25	12/2019	20	2	8	01/12/2019	57-2/12	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí và không thể bổ trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giãn biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại: Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP
19	Phùng Minh Tiến	29/4/1963	3,46	11/2017				3,46	8/2019	23	3	11	01/8/2019	56-4/12	Có 02 năm liên tiếp kể từ thời điểm xét tính giãn biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giãn biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại: Điểm d, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP
20	Là Văn Xương	15/8/1964	2,25	6/2011				2,25	10/2019	31	9	14	01/10/2019	55-2/12	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí và không thể bổ trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giãn biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Quy định tại: Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP





DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THỜI VIỆC THÁNG 7 NĂM 2019
(Từ ngày 01/07/2019 đến hết ngày 31/12/2019)
(Kèm theo Quyết định số 1843 /QĐ-UBND ngày 24 /7/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

																						
TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch bậc trước tiền kê		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tính giảm biên chế	Tuổi khi tính giảm biên chế	Lý do tính giảm			
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tổng số năm làm công việc Lâm nghiệp đặc biệt	Số năm làm công việc Lâm nghiệp đặc biệt						
A					4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng cộng																					27	
KHỐI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC																						
Cấp Xã																						
UBND huyện Yên Châu																						
1	Đỗ Xuân Cung	02/02/1965	Chưa qua đào tạo	Tư pháp - Hộ tịch UBND xã Chiềng Pha	1,18	10/2009								1,18	12/2019	10,5		01/12/2019	54- 10/12	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bỏ vị trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, cả nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý Quy định tại: Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP		

